

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2023/DS-PT

Ngày: 28 – 3 – 2023

“V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Quốc Tuấn

Các Thẩm phán:

Ông Hồ Văn Luông

Bà Trịnh Thị Bích Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Nguyễn Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 28 tháng 3 năm 2023, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 89/2022/TLPT-DS ngày 17 tháng 10 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2022/DS-ST, ngày 25 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 30/2023/QĐ-PT ngày 02 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị N, sinh năm: 1962.

Địa chỉ: ấp M, thị trấn C, huyện P, tỉnh H.

2. *Bị đơn:* Chị Lê Thị Tuyết N1, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: ấp M, thị trấn C, huyện P, tỉnh H.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Lê Thị Kiều T, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: ấp M, xã H, huyện P, tỉnh H.

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn chị Lê Thị Tuyết N1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại Bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Huỳnh Thị N trình bày: Vào khoảng tháng 04/2019 bà Huỳnh Thị N có cho chị Lê Thị Tuyết N1 vay 02 cây vàng 24K, đến ngày 05/09/2019 có làm biên nhận nợ, không nói thời gian trả, có thoả thuận lãi suất theo pháp luật. Sau khi vay chị N1 đóng lãi được 05 tháng đầu, đến ngày 05/09/2019 (ngày làm biên nhận nợ) thì chị N1 không đóng lãi và cũng không trả gốc cho bà N. Nay bà Huỳnh Thị N khởi kiện yêu cầu chị Lê Thị Tuyết N1 trả số nợ là 20 chỉ vàng 24K, theo biên nhận nợ ngày 05/9/2019, tính lãi suất theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm bà N chỉ yêu cầu trả gốc, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn chị Lê Thị Tuyết N1 trình bày: Năm 2019 chị Lê Thị Kiều T (chị ruột của chị N1) có hỏi vay của bà Huỳnh Thị N 20 chỉ vàng 24K, bà N và chị T có qua nhà chị N1 để viết biên nhận, chị T mới kêu chị N1 ký tên dùm, chị N1 mới nói, bà N và chị T vay mượn vàng thì sao kêu chị N1 ký tên, thì bà N và chị T nói ký tên người làm chứng, nên chị N1 mới ký tên vào biên nhận. Nay chị N1 không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà N vì chị N1 không có vay 20 chỉ vàng 24K của bà N mà người vay là chị Lê Thị Kiều T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Kiều T trình bày: Năm 2016 chị T có vay của bà Huỳnh Thị N 02 lần tổng cộng 20 chỉ vàng 24K không làm biên nhận, đóng lãi mỗi tháng 1.600.000 đồng; đến ngày 05/9/2019, chị T có vay thêm của bà N 20 chỉ vàng 24K, có làm biên nhận, lúc đó chị T có kêu chị Lê Thị Tuyết N1 ký tên người làm chứng, bà N giao vàng trực tiếp cho chị T tại nhà chị N1. Tổng cộng chị T nợ bà N 40 chỉ vàng 24K, đóng lãi mỗi tháng 3.200.000 đồng, đến tháng 12/2019 chị T đã trả cho bà N được 20 chỉ vàng 24K, đến năm 2020 chị T bể hụi nên ngưng đóng lãi, hiện tại chị T còn nợ bà N 20 chỉ vàng 24K. Thực tế chị T vay vàng bà N chứ chị N1 không có vay. Nay chị T đồng ý trả cho bà Huỳnh Thị N 20 chỉ vàng 24K, nhưng do hoàn cảnh khó khăn chị T yêu cầu được trả dần.

Tại Bản án sơ thẩm số 25/2022/DS-ST, ngày 25/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang đã tuyên xử như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị N về việc yêu cầu chị Lê Thị Tuyết N1 trả nợ vay.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị N về việc yêu cầu tính lãi suất. Buộc chị Lê Thị Tuyết N1 có trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Thị N số nợ 20 chỉ vàng 24K (loại 98%).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lãi chậm thi hành án, án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự theo quy định.

Ngày 04/5/2022 chị Lê Thị Tuyết N1 có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị N về việc buộc chị N1 phải trả cho bà N 20 chỉ vàng 24K (loại 98%).

Tại phiên tòa phúc thẩm: Chị N1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo với lý do chị N1 không vay vàng của bà N và chị N1 không ký tên vào biên nhận nợ ngày 05/9/2019.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Thị Tuyết N1 thừa nhận có ký tên vào biên nhận nợ nhưng cho rằng chỉ ký tên người làm chứng, đồng thời chị N1 thừa nhận có nhận của nguyên đơn 20 chỉ vàng 24K nhưng đã giao cho chị Lê Thị Kiều T, chị T cũng thừa nhận vấn đề này. Chị N1 kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới để xem xét. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Lê Thị Tuyết N1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền và thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm, chị Lê Thị Tuyết N1 có đơn kháng cáo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[3] Xét kháng cáo của chị Lê Thị Tuyết N1, Hội đồng xét xử xét thấy:

Chị Lê Thị Tuyết N1 và chị Lê Thị Kiều T đều xác nhận rằng: Khoảng tháng 6, tháng 7 năm 2017 chị N1 và con gái chị N1 tên Huỳnh Thị L có qua nhà bà N nhận 02 cây vàng 24K nhưng việc nhận 02 cây vàng này là bà N kêu nhận dùm chị Lê Thị Kiều T, do chị T vay vàng của bà N. Sau khi nhận 02 cây vàng

của bà N, chị N1 đã giao lại ngay cho chị T. Khi vay hai bên không làm biên nhận nợ nên Biên nhận nợ ngày 05/9/2019 là do bà N tự lập, chị N1 không biết và không ký tên vào biên nhận này. Đối với 02 cây vàng 24K vay ngày 01/10/2019 chị T trực tiếp nhận vàng của bà N, hai bên có làm biên nhận nợ và chị N1 có ký tên vào mục người làm chứng. Đến khoảng tháng 11/2019 chị T đã trả cho bà N 02 cây vàng vay lần đầu vào năm 2017, còn đợt vay ngày 01/10/2019 chị T vẫn chưa trả.

Bà Huỳnh Thị N không thừa nhận việc chị N1 nhận vàng dùm chị T. Bà N xác định có cho chị N1 vay 02 cây vàng vào khoảng tháng 4/2019, chị N1 cùng con gái tên Lua nhận vàng tại nhà bà N. Lúc vay không làm biên nhận nợ mà đến tháng 9/2019 mới làm biên nhận nợ và chị N1 có ký tên vào biên nhận nợ, từ lúc vay đến nay chị N1 chưa trả 02 cây vàng cho bà N, việc chị N1 cho chị T mượn lại 02 cây vàng là việc của chị N1 với chị T, bà N không biết. Đối với chị Lê Thị Kiều T có vay của bà N 02 cây vàng 24K vào ngày 01/10/2019, có làm biên nhận nợ, sau khi vay khoảng 2 đến 3 tháng thì chị T đã trả xong, hiện tại chị T không còn nợ bà N.

Như vậy, mặc dù chị Lê Thị Tuyết N1 không thừa nhận có ký tên vào Biên nhận nợ ngày 05/9/2019 nhưng có cơ sở xác định trên thực tế chị N1 có nhận 02 cây vàng 24K từ bà Huỳnh Thị N và đến nay chị N1 chưa trả 02 cây vàng này. Việc chị N1 cho rằng sau khi nhận 02 cây vàng từ bà N, chị N1 đã giao lại cho chị T và chị T cũng thừa nhận có nhận 02 cây vàng 24K từ chị N1; xét thấy, đây là giao dịch giữa chị N1 và chị T, nếu có phát sinh tranh chấp thì dành quyền khởi kiện cho chị N1 thành vụ kiện dân sự khác.

Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở.

[4] Từ những nhận định nêu trên, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của chị Lê Thị Tuyết N1. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có cơ sở nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm: Chị Lê Thị Tuyết N1 phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, 466, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Lê Thị Tuyết N1.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị N về việc yêu cầu chị Lê Thị Tuyết N1 trả nợ vay. Buộc chị Lê Thị Tuyết N1 có trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Thị N số nợ 20 chỉ vàng 24K (98%).

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị N về việc yêu cầu tính lãi.

3. Án phí dân sự:

Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Tuyết N1 phải chịu 5.100.000 đồng (năm triệu một trăm nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho bà Huỳnh Thị N 2.750.000 đồng (hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007525 ngày 25/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Lê Thị Tuyết N1 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị N1 đã nộp theo Biên lai số 0008087 ngày 04/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 28/3/2023.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang
- TAND huyện Phụng Hiệp;
- Chi cục THADS huyện Phụng Hiệp;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Quốc Tuấn